

Bản án số: 17/2017/KDTM-ST

Ngày: 13/9/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**

Ông **Ngô Tiến Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2017/KDTM-ST ngày 16/6/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H** – **Chủ Doang nghiệp tư nhân ĐH**

Địa chỉ: Số 14/45 Nguyễn Trung Trực, phường 8, TP. TH, tỉnh PY. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* **Công ty 505**

Địa chỉ: Tổ 24 Tây Bắc, phường VH, TP. NT, tỉnh KH.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Hoàng Thị T** – Phụ trách Phòng KT-TH (Giấy ủy quyền ngày 28/7/2017 của ông Hoàng Thanh L – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty 505).

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H đại diện nguyên đơn trình bày:

Căn cứ trên Hợp đồng vận chuyển số 06A/HĐKT-2014 lập ngày 15/4/2014 và số 17A/HĐKT-2014 lập ngày 01/7/2014 giữa: Công ty 505 (gọi tắt là Công ty 505) và Doanh nghiệp tư nhân ĐH (gọi tắt là Doanh nghiệp tư nhân ĐH) và theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên đến ngày 08/6/2015 thì Khối lượng thuê xe vận chuyển thiết bị hai chuyến với số tiền là: 65.000.000đ (01 chuyến theo Hợp đồng số 06A/HĐKT-2014 là 18.000.000đ bao gồm thuế VAT; 01 chuyến theo Hợp đồng số 17A/HĐKT-2014 là 47.000.000đ bao gồm thuế VAT), Công ty 505 đã chuyển thanh

toán 27.000.000đ còn lại chưa thanh toán là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng). Nay, ông yêu cầu Công ty 505 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số còn lại là 38.000.000đ cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 28/7/2017 và tại phiên tòa bà Hoàng Thị T đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Hợp đồng vận chuyển số 06A/HĐKT-2014 lập ngày 15/4/2014 và số 17A/HĐKT-2014 lập ngày 01/7/2014, giữa: Công ty 505 và Doanh nghiệp tư nhân ĐH và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/6/2015 do ông Đoàn Trung T là Giám đốc ký với Ông Nguyễn Văn H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân ĐH nên ông Hoàng Thanh L – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc từ ngày 01/8/2015 không biết, không nhận được bàn giao giữa ông Đoàn Trung T cho ông Hoàng Thanh L là đại diện hợp pháp của Công ty. Đề nghị mời ông Đoàn Trung T làm rõ hợp đồng và số tiền nợ trên và bàn giao lại cho ông Hoàng Thanh L thì Công ty mới có trách nhiệm trả cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Hợp đồng vận chuyển số 06A/HĐKT-2014 lập ngày 15/4/2014 và Hợp đồng vận chuyển số 17A/HĐKT-2014 lập ngày 01/7/2014, giữa: Công ty 505 là Bên A - bên thuê vận chuyển và Doanh nghiệp tư nhân ĐH là bên B - bên nhận vận chuyển hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở công nhận.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu Công ty 505 phải thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền này.

- Yêu cầu của bị đơn về đề nghị mời ông Đoàn Trung T làm rõ hợp đồng và số tiền nợ trên và bàn giao lại cho ông Hoàng Thanh L thì Công ty mới có trách nhiệm trả cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH là trái với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty 505 nên không có cơ sở chấp nhận.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí và hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa: Công ty 505 (có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 15/10/2013) là Bên A - bên thuê vận chuyển, đại diện là ông Đoàn Trung T, chức vụ: Giám đốc và Doanh nghiệp tư nhân ĐH (có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân ngày 02/4/2013) là bên B - bên vận chuyển đại diện là ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ doanh nghiệp, ký hai hợp đồng vận chuyển:

- Hợp đồng vận chuyển số 06A/HĐKT-2014 lập ngày 15/4/2014, trong đó, tại Điều 1: Nội dung hợp đồng là Bên B nhận vận chuyển xe ủi bằng xe đầu kéo từ Phú

Yên đến chân công trường đường cao tốc ĐN – QN, số lượng: một chuyến, đơn giá: 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), giá đã bao gồm thuế VAT 10%.

- Hợp đồng vận chuyển số 17A/HĐKT-2014 lập ngày 01/7/2014, trong đó, tại Điều 1: Nội dung hợp đồng là Bên B nhận vận chuyển 01 lu rung và 01 lu tĩnh bằng xe đầu kéo từ đèo RR NT đến chân công trường Quốc lộ 1A tỉnh QN, số lượng: một chuyến, đơn giá: 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng), giá đã bao gồm thuế VAT 10%.

Hai hợp đồng trên đều thể hiện tại Điều 2: Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản; thời hạn thanh toán: Sau khi bên B hoàn tất việc thực hiện vận chuyển, bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A, Bên A tiến hành đối chiếu số liệu và thanh toán cho bên B ngay khi nhận đủ hồ sơ thanh toán. Ngoài ra còn có điều khoản về thanh chấp hợp đồng và hiệu lực hợp đồng là hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến khi công việc hoàn thành hai bên không còn công nợ với nhau thì hợp đồng được xem như thanh lý.

Hai hợp đồng vận chuyển này phù hợp với quy định tại các Điều 530, Điều 531, Điều 532 và 533 của Bộ luật dân sự là có cơ sở chấp nhận.

[2] Căn cứ vào nội dung của hai hợp đồng vận chuyển nói trên, và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/6/2015, bên A và bên B đã tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ giữa Công ty 505 với Doanh nghiệp tư nhân ĐH cụ thể như sau: “1/ Khối lượng thuê xe vận chuyển thiết bị: 02 chuyến với số tiền là: 65.000.000đ; 2/ Công ty 505 đã chuyển thanh toán 27.000.000đ; 3/ Giá trị còn lại chưa thanh toán là: 38.000.000đ; Tính đến ngày 08/6/2015 Công ty 505 còn nợ Doanh nghiệp tư nhân ĐH số tiền là 38.000.000đ” hoàn toàn đúng với Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000070 ngày 10/5/2014 và số 0000040 ngày 06/11/2014 mà bên B đã gửi cho bên A. Như vậy, đến nay Công ty 505 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH số tiền 38.000.000đ là vi phạm tại Điều 2 của các hợp đồng vận chuyển nói trên. Do đó, Doanh nghiệp tư nhân ĐH yêu cầu Công ty 505 phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH số tiền nợ 38.000.000đ là cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 536 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn cho rằng: Ông Hoàng Thanh L – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc từ ngày 01/8/2015 không biết, không nhận được bàn giao giữa ông Đoàn Trung T cho ông Hoàng Thanh L là đại diện hợp pháp của Công ty. Đề nghị mời ông Đoàn Trung T làm rõ hợp đồng và số tiền nợ trên và bàn giao lại cho ông Hoàng Thanh L thì Công ty mới có trách nhiệm trả cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH.

Theo Quyết định số 1321/QĐ-TCT5 ngày 16/9/2013 về việc cử người đại diện phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty 505 của ông Bạch Ngọc D là Chủ tịch Hội đồng thành viên, tại: Điều 1 cử ông Đoàn Trung T làm người đại diện vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty 505; Điều 2: Thời hạn cử làm người đại diện vốn của Tổng công ty theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản Công ty 505. Ông Đoàn Trung T thực hiện quyền Giám đốc công ty theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty 505. Như vậy, việc ông Hoàng Thanh L – Chủ tịch Hội đồng quản trị

kiêm Giám đốc từ ngày 01/8/2015 không biết, không nhận được bàn giao giữa ông Đoàn Trung T cho ông Hoàng Thanh L là công việc nội bộ của Công ty 505.

Mặt khác, tại Văn bản số 67/HC-KT ngày 18/8/2017 của ông Phạm Ngọc M – Phó Giám đốc Công ty 505 gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang ngày 18/8/2017 có nêu rõ: “Sau khi không còn làm tại Công ty 505 ông Đoàn Trung T làm việc ở đâu Công ty không rõ, nên không biết chỗ ở hiện tại”. Như vậy, Tòa án không thể thực hiện theo đề nghị của bên bị đơn được.

Do đó yêu cầu của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công ty 505 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ; Hoàn lại cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH 1.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 35, 227, 273 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 530, Điều 531, Điều 532, 533 và Điều 536 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty 505 phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân ĐH số tiền là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng).

2. Án phí: Công ty 505 phải nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân ĐH 1.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0006947 ngày 16/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND Tp. NT;
- THADS Tp. NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Việt Cường